

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT POLYMER CATION

## PHẦN I: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

|                                                            |                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Số CAS: 124-04-9                                           |                                                                                                                                                |
| Số UN:                                                     |                                                                                                                                                                                                                                   |
| Tên thường gọi của chất: Polymer Cation                    |                                                                                                                                                                                                                                   |
| Tên thương mại: Polymer Cation                             |                                                                                                                                                                                                                                   |
| Tên khác (không là tên khoa học): keo tụ                   |                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Mục đích sử dụng</b><br>Sử dụng trong ngành xử lý nước. | <b>Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp</b><br><b>CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LỘC THIÊN</b><br>452/6b Tỉnh Lộ 10, Phường Bình Trị Đông , Quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh<br>Điện thoại: 028 6269 5669 / 028 6268 5662 |

## PHẦN II: THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

| Tên thường gọi của chất | Số CAS   | Công thức hóa học | Hàm lượng (% theo trọng lượng) |
|-------------------------|----------|-------------------|--------------------------------|
| Polymer Cation          | 124-04-9 |                   |                                |

## PHẦN III: NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. **Mức xếp loại nguy hiểm** (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...):

2. **Cảnh báo nguy hiểm**

Khi đổ ra ngoài, Polymer Cation tạo thành dung dịch nhầy rất dễ trơn khi bị ướt.

3. **Các đường tiếp xúc và triệu chứng**

- Đường mắt: kích ứng màng nhầy
- Đường thở: kích ứng nhẹ gây ho hoặc thở gấp.
- Đường da: kích ứng nhẹ
- Đường tiêu hóa: kích ứng miệng và dạ dày.

## PHẦN IV: BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. **Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt):
  - Rửa sạch mắt với nhiều nước ít nhất 15 phút
2. **Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da)
  - Rửa sạch vùng da tiếp xúc với nhiều nước và xà phòng.
3. **Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)
  - Nếu hít phải bụi Polymer Anion gây khó thở nên di chuyển nạn nhân ra nơi thoáng mát hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân có triệu chứng ngừng thở. Sau khi dùng biện pháp sơ cứu nếu vẫn còn hiện tượng kích ứng nên gặp bác sĩ để hỏi ý kiến và tuân theo sự hướng dẫn điều trị của bác sĩ.
4. **Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)
  - Nên gặp bác sĩ để theo dõi.

#### PHẦN V: BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. **Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Có thể gây nổ bụi nếu bị cháy.
2. **Sản phẩm tạo ra khi bị cháy**: không có giá trị
3. **Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...): không có
4. **Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác** Xịt nước hoặc dung bình chữa cháy để dập cháy.
5. **Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy**
  - Đeo mặt nạ và trang phục bảo hộ khi chữa cháy.
6. **Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có)

#### PHẦN VI: BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Khi bị tràn đổ, dùng chổi quét và thu gom vật liệu vào dụng cụ chứa thích hợp. Nên cẩn thận khi dội nước sẽ tạo chất nhờn gây trơn trượt.

#### PHẦN VII: YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

1. **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...):
  - Phải có trang bị bảo vệ cá nhân thích hợp và đầy đủ.
2. **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...):
  - Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát dưới 32<sup>0</sup>C. Tránh để nơi ẩm ướt và chứa trong thùng sắt, đồng, nhôm.

#### PHẦN VIII: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**  
Kính bảo hộ, áo khoác phòng thí nghiệm, khẩu trang ngăn bụi, găng tay.
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố**  
Kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, mặt nạ ngăn bụi. ủng, găng tay. Thiết bị trợ hô hấp nếu cần. Tham khảo ý kiến chuyên gia trước khi xử lý sự cố.
- 4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...)

#### PHẦN IX: ĐẶC TÍNH LÝ HÓA

|                                                                                 |                                                                                                   |
|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trạng thái vật lý: dạng rắn                                                     | Điểm sôi ( $^{\circ}\text{C}$ ): Chưa có thông tin.                                               |
| Màu sắc: màu trắng                                                              | Điểm nóng chảy ( $^{\circ}\text{C}$ ): Chưa có thông tin.                                         |
| Mùi đặc trưng: Không mùi                                                        | Điểm bùng cháy ( $^{\circ}\text{C}$ ) (Flash point) theo phương pháp xác định: Chưa có thông tin. |
| Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Chưa có thông tin.      | Nhiệt độ tự cháy ( $^{\circ}\text{C}$ ): $>150^{\circ}\text{C}$ .                                 |
| Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không có thông tin | Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin.                      |
| Độ hòa tan trong nước: hòa tan trong nước.                                      | Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin.                      |
| Độ pH: 3-5.                                                                     | Tỷ lệ hóa hơi: 7-8%.                                                                              |
| Khối lượng riêng ( $\text{kg/m}^3$ ): $0.75\text{g/m}^3$ .                      | Các tính chất khác nếu có: Chưa có thông tin.                                                     |

#### PHẦN X: MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

- 1. Tính ổn định** (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định ở nhiệt độ thường.
- 2. Khả năng phản ứng:**  
 - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: CO, CO<sub>2</sub>, HCl, NO, NH<sub>3</sub>  
 Khi để gần các chất kiềm và chất oxy hóa mạnh sẽ làm giảm chất lượng polymer -  
 Phản ứng trùng hợp.

#### PHẦN XI: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

| Tên thành phần | Loại ngưỡng          | Kết quả               | Đường tiếp xúc | Sinh vật thử |
|----------------|----------------------|-----------------------|----------------|--------------|
| LD50           | $>5000\text{ mg/kg}$ | Nồng độ gây kích ứng. | Miệng          | Chuột        |
| LD50           | $>2000\text{ mg/kg}$ |                       | Da             | Thỏ          |
| LC50           | $>20\text{ mg/l}$    |                       | Hô hấp         | Chuột        |

- 1. Các ảnh hưởng mãn tính với người** (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)
- 2. Các ảnh hưởng độc khác**

#### PHẦN XII: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

| 1. Độc với sinh vật: |               |        |            |
|----------------------|---------------|--------|------------|
| Thành phần           | Loài sinh vật | Chu kỳ | Kết Quả    |
| OECD 203             | Cá ngựa       | 96 giờ | 1-10mg/l   |
| OECD 202             | Con bọt       | 48 giờ | 10-100mg/l |

## 2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học:
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học:
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học.

## PHẦN XIII: THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

**Thông tin quy định tiêu hủy** (thông tin về luật pháp):

### Sản phẩm:

- Không có một nguyên tắc thống nhất nào cho việc thải bỏ các hóa chất hoặc cặn bã. Các cặn hóa chất thường được tính như là chất thải đặc biệt. Việc loại bỏ gần đây được điều chỉnh lại theo nguyên tắc và luật lệ giữa các thành viên EC.
- Hoá chất hết hạn hoặc mất phẩm chất phải được xử lý, nếu huỷ bỏ phải tuân thủ quy định nhà nước hiện hành.

### Bao bì:

Hủy bỏ được sự đồng ý của chính quyền địa phương. Xử lý bao bì bị nhiễm bẩn cũng giống như việc xử lý bản thân hóa chất đó. Nếu các điều luật không có qui định khác biệt, bao bì không nhiễm bẩn có thể xử lý giống như chất thải sinh hoạt hoặc tái sử dụng.

**Xếp loại nguy hiểm của chất thải:** Không có thông tin.

**Biện pháp tiêu hủy** (bao gồm sản phẩm và bao bì nhiễm bẩn): Liên hệ với các cơ quan chức năng để xử lý.

**Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:** Không có thông tin.

## PHẦN XIV: THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

| Tên quy định                                                                                                                                                                                                      | Số UN | Tên vận chuyển đường biển | Loại, nhóm hàng nguy hiểm | Quy cách đóng gói | Nhãn vận chuyển | Thông tin bổ sung |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------------------|---------------------------|-------------------|-----------------|-------------------|--|
| Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: Nghị định số 42/2020/NĐ CP ngày 08/04/2020 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. |       |                           |                           |                   |                 |                   |  |

|                                                              |  |  |  |  |  |  |  |
|--------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|
|                                                              |  |  |  |  |  |  |  |
| Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA... |  |  |  |  |  |  |  |

#### PHẦN XV: THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Quy định pháp luật phải tuân thủ:

- Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
- Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
- Nghị định số 42/2020/NĐ CP ngày 08/04/2020 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
- Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01 tháng 07 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ô xy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa thuộc trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Nghị định 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số [113/2017/nđ-cp](#) ngày 09 tháng 10 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.

#### PHẦN XVI: THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn phiếu: 02/01/2020

Ngày tháng sửa đổi lần cuối: 10/01/2024

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LỘC THIÊN**

**Lưu ý người đọc:**

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.



LOC THIEN CO.,LTD